

THỦ QUYẾT ÂM TÂM BÀO KINH: 9 HUYỆT

1. Thiên trì

Vị trí: Ở ngoài đầu vú 1 thốn, khe liên sườn 4-5, giữa huyết *Thiên khê* và huyết *Nhũ trung*. (H. 81).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5 thốn. Cứu 3 mỗi.

Chủ trị: Đau sườn ngực, dưới nách sưng đau, tràng nhạc.

2. Thiên tuyền

Vị trí: Ở đầu phía trước nếp nách xuống 2 thốn, giữa khe hai đầu cơ của cơ nhị đầu cánh tay. (H. 81)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-2 thốn. Cứu 3 mỗi.

Chủ trị: Sườn ngực đau, ho hắng, lưng trên và cạnh trong cánh tay trên đau.

3. Khúc trạch

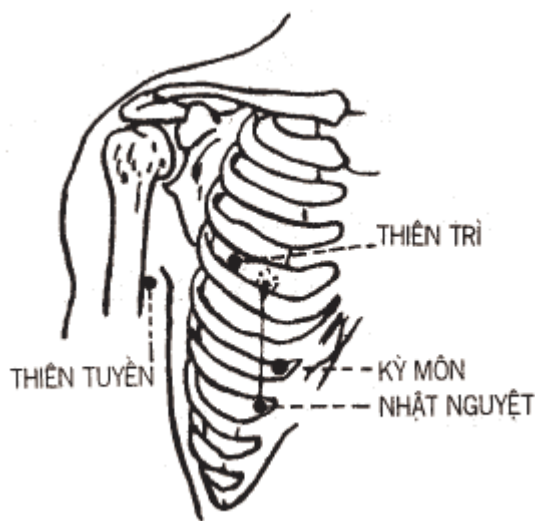
Vị trí: Ở chính giữa khuỷu tay, trên nếp gấp.

Cách lấy huyết: Ngửa bàn tay, duỗi khuỷu tay, huyết ở trên nếp gấp ngang khuỷu tay, cạnh trong gân lớn (H. 82).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn, thường chích nặn máu. Cứu 3 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau dạ dày, nấc, nôn, mửa, say nắng, chân tay co giật, viêm ruột thừa, bệnh nhiệt, bứt rứt không yên, đau khuỷu tay, cánh tay.

Tác dụng phối hợp: Với *Ủy trung* (nặn máu) trị thủy đậu; với *Nội quan*, *Đại lãg* trị đau tim, đau ngực.



Hình 81

4. Khích môn

Vị trí: Ở giữa nếp cổ tay lên 5 thốn.

Cách lấy huyết: Ngửa cổ tay, bàn tay nắm lại, từ lằn cổ tay lên 5 thốn, huyết ở giữa hai gân. (H. 82)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,6-1 thốn. Cứu 3 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Đau ngực, tim hồi hộp, đau dạ dày, nôn mửa, khuỷu cánh tay đau bại, bông.

Tác dụng phối hợp: Với *Đại lăng*, *Chi câu* trị nôn ra máu.

5. Gian sử

Vị trí: Ở chính giữa nếp gấp cổ tay lên 3 thốn.

Cách lấy huyết: Bàn tay ngửa lên, nắm lại, từ giữa cổ tay lên 3 thốn, ở giữa hai gân là huyết. (H. 82)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn, cảm giác tê lan đến khuỷu hoặc nách. Cứu 3 mỗi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Sốt rét, đau tim ngực, nôn mửa, tim đập mạnh, động kinh.

Tác dụng phối hợp: Với *Đại chùy*, *Hậu khô* trị sốt rét.

6. Nội quan

Vị trí: Từ giữa nếp gấp cổ tay lên 2 thốn. (H. 82)

Cách lấy huyết: Ngửa bàn tay, nắm lại, từ cổ tay lên 2 thốn, chính giữa hai gân, đổi vị trước sau với huyết *Ngoại quan* (thuộc kinh *Tam tiêu*).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn, hoặc thấu huyết *Ngoại quan*, cảm giác tê tức lan đến khuỷu tay, vai, cổ, có khi đến tai, lan xuống dưới ngón tay giữa. Cứu 3-5 mỗi, hơ 5-10 phút.

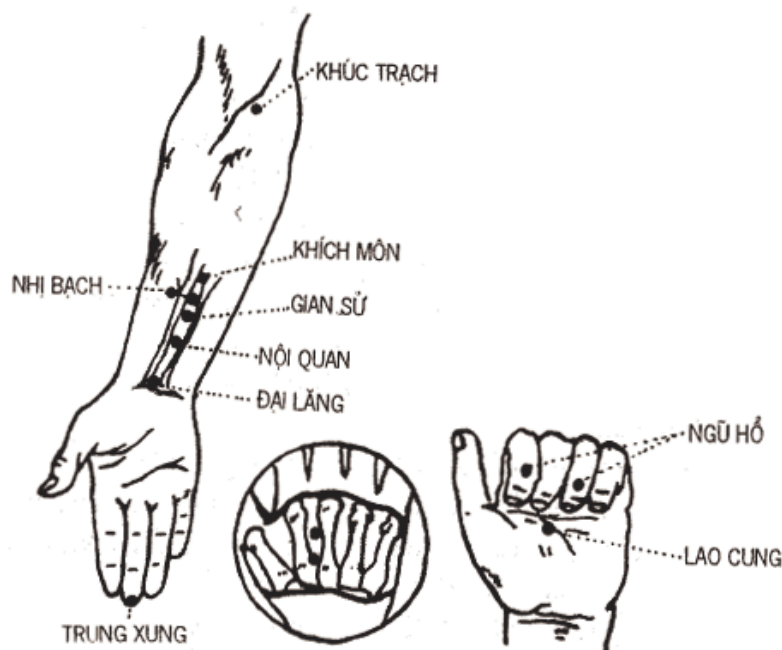
Chủ trị: Đau dạ dày, đau sườn ngực, nôn mửa, mất ngủ, nấc, tim đập mạnh, tim đau, hen, suyễn, hư thoát, sốt rét, bệnh tinh thần, suy nhược thần kinh, nôn mửa lúc có thai.

Tác dụng phối hợp: Với *Tam âm giao*, *Chiên trung* trị tim đau nhói; với *Túc tam lý* trị sốt rét; với *Công tôn* trị viêm dạ dày cấp; với *Thiên đột*, *Thượng quản* trị nấc, (cơ hoành co cứng).

7. Đại lăng

Vị trí: Ở chỗ lõm chính giữa nếp gấp cổ tay.

Cách lấy huyết: Bàn tay ngửa lên, chính giữa cổ tay, sau nếp gấp trên chỗ lõm giữa hai gân là huyết. (H. 82)



Hình 82

Cách châm: Châm chéo kim lên trên, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3-5 mồi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Mất ngủ, tim đập mạnh, đau tim, tinh thần bất thường, đau dạ dày, nôn mửa, đau sườn ngực, đau gót chân.

Tác dụng phối hợp: Với *Ngoại quan*, *Chi câu* trị đau bụng táo bón; với *Nội quan*, *Khúc trạch* trị tim ngực đau đốn.

8. Lao cung

Vị trí: Ở trong lòng bàn tay.

Cách lấy huyết: Ngửa bàn tay, nắm sát ngón tay vào lòng bàn tay, chính chỗ đầu ngón giữa chấm vào lòng bàn tay, đó là khe xương bàn tay 2-3, nhưng sát xương bàn số 3. (H. 82)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mồi, hơ 5 phút.

Chủ trị: Nấc, điên dại, nôn mửa, đau tim, trẻ em lờ miệng.

Tác dụng phối hợp: Với *Hậu Khê* trị hoàng đản (vàng da).

9. Trung xung

Vị trí: Ở chính giữa đầu ngón giữa. Ngửa bàn tay lấy chính giữa đầu ngón giữa, cách móng khoảng hơn 0,1 thốn. (H. 82)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,1 thốn, thường chích nặn máu. Cứu 1 mồi, hơ 3-5 phút.

Chủ trị: Trúng gió hôn mê, say nắng, bệnh sốt cao, trẻ em co giật, đau bụng, đau đầu.

Tác dụng phối hợp: Với *Thiếu thương* (nặn máu), *Thương dương* trị ngoại cảm sốt cao; với *Quan xung* trị lưỡi cứng không nói được; với *Đại lăng*, *Nội quan* trị viêm dạ dày cấp tính.